TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-ST
Ngày 04 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phước Thị Kim Huê
Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2018/HSST, ngày 15/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Từ Văn S, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1999 tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tên gọi khác: Tý; nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Văn X và bà Dương Thị T; vợ, con chưa có; tiền án: 01 tiền án, đã bị Tòa án Nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 08 (tám) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo bản án số 36/2017/HSST ngày 25 tháng 7 năm 2017; tiền sự: 02 tiền sự, đã bị Công an xã Đại An, huyện Trà Cú xử phạt hành chính theo Quyết đinh số 09/QĐ-XPVPHC ngày 03/5/2018 và Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 11 tháng 5 năm 2018 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: Xấu, đã bị Công an huyện Trà Cú xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản đã được xóa tiền sự; bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 5 năm 2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bùi Văn G, sinh năm 1995, tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Tên gọi khác: Không có. Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Văn H và bà Nguyễn Thị U; vợ, con chưa có; tiền án: 01 tiền án, đã bị Tòa án Nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo bản án

số 49/2017/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2017; tiền sự: 02 tiền sự, đã bị Công an xã Đại An, huyện Trà Cú xử phạt hành chính theo Quyết đinh số 09/QĐ-XPVPHC ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 11 tháng 5 năm 2018; nhân thân: Xấu, đã bị Tòa án Nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; bị khởi tố và bắt tạm giam từ ngày 17 tháng 5 năm 2018 đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Từ Văn S*: Bà Trần Thị Hợp - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh - chi nhánh số 02 huyện Trà Cú (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Trương Thị T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Thái N, sinh năm 1990 (vắng mặt không có lý do);

2. Chị Lâm Thị S, sinh năm 1993 (vắng mặt không có lý do);

3. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt không có lý do);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Lê Văn D, sinh năm 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Thái Đ1, sinh năm 1995 (vắng mặt không có lý do);

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 14/5/2018, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo S đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản. Để chuẩn bị thực hiện hành vi, bị cáo S đã mượn 01 (một) chiếc xe mô tô, biển số 66K8 – 9784 (không rõ nhãn hiệu) của anh Nguyễn Văn Đ để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 15/5/2018, bị cáo S rủ bị cáo G đi trộm tài sản thì bị cáo G đồng ý. Sau đó, bị cáo S lấy 01 (một) cây kiềm, màu đỏ dùng để cắt kim loại, đã chuẩn bị từ trước và lấy chiếc xe mô tô nêu trên cho bị cáo G điều khiển, chở bị cáo S ngồi phía sau đi từ hướng ấp Chợ, xã Đại An đến hướng xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà của chị Trương Thị T, bị cáo S nhìn thấy nhà chị T đã đóng cửa, loại cửa bằng kim loại (lưới B40) nên S kêu G dừng xe lại.

Sau đó, bị cáo S mang theo cây kiềm đi vào nhà của chị T, còn bị cáo G ngồi sẵn trên xe canh đường cho bị cáo S vào trộm cắp tài sản. Khi đến cửa nhà chị T thì bị cáo S dùng cây kiềm cắt cửa bằng kim loại (lưới B40) tạo một khoảng trống có kích thước khoảng 0,5m x 0,7m. Sau đó, bị cáo S đi ra chỗ bị cáo G đang ngồi trên xe đợi và đưa cây kiềm cho bị cáo G giữ, còn bị cáo S quay trở lại đi vào bên trong nhà của chị T. Tại đây, bị cáo S thấy trên ghế dùng để nằm gội đầu có 01 (một) cái ba lô nên kiểm tra thì phát hiện bên trong có tiền mặt (tiền Việt Nam) là 1.400.000 đồng và 01 (một) cái điện thoại di động, nhãn

hiệu Sony Xperia, màu hồng, bị cáo S lấy hết tài sản trên, rồi cất giấu vào trong người.

Sau đó, bị cáo S tắt đèn nhà của chị T và mở đèn điện thoại di động của mình để tiếp tục tìm tài sản trộm. Cùng lúc này chị T nghe có tiếng động nên lên tiếng hỏi "ai vậy?", lúc này bị cáo S sợ bị phát hiện nên bỏ chạy ra ngoài chỗ vị trí mà bị cáo G đang đợi sẵn và lên xe cho bị cáo G chở rời khỏi hiện trường. Trên đường đi, bị cáo S nói cho bị cáo G biết chỉ trộm được cái điện thoại di động, ngoài ra không trộm được tài sản gì khác. Khi về đến nơi buôn bán của ông D, bị cáo S trả xe mô tô trên cho ông Đ nhưng ông Đ đã ngủ nên bị cáo S để xe tại đây, còn bị cáo G đi giấu cây kiềm.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì bị cáo S lấy cái điện thoại đã trộm được nhờ Nguyễn Thái Đ1 đi bán dùm. Khi đưa điện thoại, bị cáo S nói với Đ cái điện thoại nêu trên là của bạn gái bị cáo, không sử dụng nữa nên bán và dặn Đ1 bán cái điện thoại với giá 1.500.000 đồng, nếu người mua không đủ tiền thì trả trước 1.000.000 đồng, còn lại 500.000 đồng sẽ trả sau. Đ1 đã bán cái điện thoại trên cho chị dâu mình là chị Lâm Thị S được số tiền là 1.500.000 đồng nhưng chị S chỉ trả trước cho Đ1 số tiền 1.000.000 đồng, còn nợ lại 500.000 đồng. Sau khi bán điện thoại xong, Đ1 đưa hết số tiền 1.000.000 đồng trên cho S. Bị cáo S lấy 500.000 đồng, chia cho bị cáo G 500.000 đồng. Đến ngày 16/5/2018, bị cáo S lấy số tiền bán điện thoại có được cho anh Đ 200.000 đồng. Số tiền còn lại hai bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 12 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Trà Cú, kết luận: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sony Xperia, màu hồng, số IMEI: 358129074233904, 358129074233912, điện thoại đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ án (ngày 15/5/2018) còn hoạt động bình thường, có giá là 2.800.000 đồng.

Bản cáo trạng số 40/CT-VKSTC ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Từ Văn S, Bùi Văn G về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Từ Văn S từ 18 đến 24 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Bùi Văn G từ 12 đến 18 tháng tù; về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sony Xperia, màu hồng, số IMEI: 358129074233904, 358129074233912, đã qua sử dụng. Riêng số tiền 1.400.000 đồng và các tài sản bị thiệt hại khác bị hại không yêu cầu nên không đề nghị xem xét; đối với chị Lâm Thị S là người bị thiệt hại số tiền 1.000.000 đồng từ việc mua điện thoại từ các bị cáo, do chị S không biết điện

thoại nêu trên do các bị cáo trộm cắp mà có và chị S không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền trên nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trương Thị T 01 (một) điện thoại di động (loại điện thoại cũ đã qua sử dụng), nhãn hiệu Sony Xperia, màu hồng, số IMEI: 358129074233904, 358129074233912 nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo S cũng thống nhất với nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Vị đại Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã đề nghị đối với bị cáo S. Đồng thời, Vị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi về hành vi của mình, là người nghèo sống tại địa bàn xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên việc tiếp cận pháp luật còn hạn chế. Đồng thời, Vị đề nghi miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S.

Tại phần tranh luận bị cáo S, bị cáo G không có ý kiến trình bày tranh luận, bị cáo S cũng không có ý kiến bổ sung lời trình bày của Vị trợ giúp viên pháp lý tham gia bào chữa cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đều nhận biết hành vi phạm tội của mình là sai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng đã mô tả, lời khai này là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 02 giờ 10 phút ngày 15/5/2018, tại ấp Giồng Lớn A, xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh bị cáo Từ Văn S và bị cáo Bùi Văn G đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 1.400.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Sony Xperia, màu hồng, số IMEI: 358129074233904, 358129074233912, điện thoại cũ đã qua sử dụng có giá trị là 2.800.000 đồng của chị Trương Thị T. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 4.200.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định của pháp luật, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào

khác phản đối nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tính chất vụ án mặc dù ít nghiêm trọng, nhưng các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, với vai trò là đồng phạm. Trong đó, bị cáo S là vừa người chủ mưu, vừa là người thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo G là người giúp sức để bị cáo S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị, trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xét xử các bị cáo thật nghiêm và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và răn đe phòng ngừa chung cho mọi người, như vậy mới đáp ứng được yêu cầu phục vụ tình hình chính trị tại địa phương.

[3] Bản thân các bị cáo đều có nhân thân xấu, đều có tiền án, tiền sự. Cụ thể: Bị cáo S đã có 01 tiền sự bị Công an huyện Trà Cú xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản đã được xóa tiền sự; 02 tiền sự bị Công an xã Đại An, huyện Trà Cú xử phạt hành chính theo Quyết đinh số 09/QĐ-XPVPHC ngày 03/5/2018 và Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 11/5/2018 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản bị Tòa án Nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 08 (tám) tháng tù theo bản án số 36/2017/HSST ngày 25/7/2017 chưa được xóa án tích. Bị cáo G đã có 01 tiền án bị Tòa án Nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích; 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản bị Tòa án Nhân dân huyện Trà Cú xử phạt 09 (chín) tháng tù theo bản án số 49/2017/HSST ngày 25/9/2017 chưa được xóa án tích; 02 tiền sự bị Công an xã Đại An, huyện Trà Cú xử phạt hành chính theo Quyết đinh số 09/QĐ-XPVPHC ngày 03/5/2018 và Quyết định số 11/QĐ-XPVPHC ngày 11/5/2018. Do đó, khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, thì hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng năng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi của mình nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trương Thị T đã nhận lại 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sony Xperia, màu hồng, số IMEI: 358129074233904 và 358129074233912. Đối với những thiệt hại khác chị T không yêu cầu giải quyết và tại phiên tòa Chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với chị Lâm Thị S bị thiệt hại về tài sản là tiền mặt 1.000.000 đồng khi mua điện thoại di động từ các bị cáo, do chị S không biết điện thoại do các bị cáo trộm cắp mà có, quá trình điều tra chị S không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền trên và tại phiên tòa chị S vắng mặt không lý do. Do đó, về trách nhiện dân sự trong vụ án Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng là 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Sony Xperia, màu hồng, số IMEI: 358129074233904 và 358129074233912 cho bị hại chị Trương Thị T xong.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Từ Văn S thuộc diện hộ nghèo theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Bùi Văn G phải nộp tiền án phí hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo S là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Từ Văn S (Tý) và Bùi Văn G phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 326, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Từ Văn S 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 326, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trương Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Từ Văn S. Buộc bị cáo Bùi Văn G phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TA tỉnh Trà Vinh;
- Sơ Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Công an huyện Trà Cú;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône